TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/ HNGĐ-ST
Ngày 28 - 9 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thúy Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Thế Hạp và ông Nông Văn Học.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn Nọong – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa*:** Bà Lục Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký HKTT: xóm N, xã Đ, huyện K, Cao Bằng.

Nơi ở hiện nay: Xóm M, xã C, huyện K, Cao Bằng. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Mạc Văn T, sinh năm 1991;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm N, xã Đ, huyện K, Cao Bằng. (Vắng mặt không có lý do)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Mạc Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ: xóm N, xã Đ, huyện K, Cao Bằng. (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/6/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn Hoàng Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng ngày 17/01/2011, việc đăng ký do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống ở nhà anh T tại xóm N, xã Đ, huyện K, Cao Bằng. Trong quá trình chung sống, chị N và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, anh T đánh đập chị N rất nhiều lần. Trong lúc chị N mang thai lần đầu tiên anh T đã đánh chị N nhiều lần và chảy rất nhiều máu nên cháu H1 sinh ra bị khuyết tật bẩm sinh. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đã làm đơn yêu cầu Toà án cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên là: Mạc Ngọc H1, sinh ngày 25/3/20ab và Mạc Hải Y, sinh ngày 07/02/20xy. Hiện nay, cháu Mạc Ngọc H1 đang ở cùng chị N còn cháu Mạc Hải Y đang sinh sống với anh Mạc Văn T. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mạc Ngọc H1 do cháu là trẻ khuyết tật bại não, còn cháu Mạc Hải Y để anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện nay, công việc chính của chị là trồng trọt nên không đủ điều kiện để nuôi cả hai cháu và do mỗi người nuôi một cháu nên chị N không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Mạc Văn T Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Mạc Văn T nhiều lần nhưng anh đều trốn tránh, vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm, tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng việc đến nơi cư trú của anh T để xác minh. Tại biên bản lấy lời khai chị Mạc Thị H, sinh năm 1977 (chị gái của Mạc Văn T) xác nhận: Gia đình đã thông báo cho anh T về thời gian, địa điểm và chụp ảnh giấy triệu tập của Tòa án cho anh Mạc Văn T biết. Nhưng do anh T bận đi làm nên không xin nghỉ để về được, hiện nay gia đình chỉ biết anh T làm việc ở Hà Nội chứ không biết rõ địa chỉ của T.

Tại phiên tòa:

Chị Hoàng Thị N giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, xác định vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mạc Ngọc H1 do cháu là trẻ khuyết tật bại não, còn cháu Mạc Hải Y để anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; vì mỗi người nuôi một cháu nên chị N không yêu cầu cấp dưỡng. Các vấn đề khác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N. Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Mạc Văn T;

- Về con chung: Giao cháu Mạc Ngọc H1, sinh ngày 25/3/20ab cho chị Hoàng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Mạc Hải Y, sinh ngày 07/02/20xy cho anh Mạc Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Không đặt vấn đề nuôi con vì các đương sự không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Hoàng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Mạc Văn T, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Mạc Văn T có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xóm N, xã Đ, huyện K, Cao Bằng. Do đó Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Mạc Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa

nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Mạc Văn T là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Mạc Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 17/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị N xác định trong cuộc sống chung vợ chồng của anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T thường xuyên đánh đập chị rất nhiều lần. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên chị đã đưa con lớn là cháu Mạc Ngọc H1 về nhà ngoại sinh sống từ ngày 13/01/2021 đến nay. Từ khi chị về nhà ngoại sinh sống anh T không hề hỏi thăm hay đón hai mẹ con mà còn thường xuyên đe dọa sẽ đánh chị. Hiện nay, anh T đi đâu và làm gì không báo cho chị biết.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa chị N và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân và thực tế đã không còn chung sống cùng nhau dẫn đến hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn xảy ra kéo dài nhưng chị N, anh T không có biện pháp để hàn gắn mối quan hệ này và mặc dù anh T biết việc chị N xin ly hôn với anh nhưng anh đã thờ ơ, không quan tâm và cố tình trốn tránh, không đến Tòa án để nêu ý kiến của mình và cũng không mong muốn Tòa án tiến hành hòa giải. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T để các bên sớm ổn định cuộc sống riêng.

* Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Mạc Văn T có 02 con chung tên là: Mạc Ngọc H1, sinh ngày 25/3/20ab và Mạc Hải Y, sinh ngày 07/02/20xy. Hiện nay, cháu Mạc Ngọc H1 đang sống cùng chị N còn cháu Mạc Hải Y đang sinh sống gia đình chị Mạc Thị H (là chị gái của anh Mạc Văn T). Chị H xác nhận anh T có nhờ chị nuôi con để đi làm kiếm tiền, đồng thời xác nhận anh T có nguyện vọng được nuôi cháu Mạc Hải Y. Xét thấy, nguyện vọng của chị N khi ly hôn là nuôi cháu Mạc Ngọc H1 là hợp tình hợp lý vì cháu Hân từ nhỏ đã bị bại não, khuyết tật đặc biệt nặng và chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu từ khi còn nhỏ đến nay. Hiện nay, anh T đi làm xa không có mặt ở địa

phương nên cháu Mạc Hải Y đang sinh sống cùng gia đình chị Mạc Thị H. Xét thấy nguyện vọng của cháu Y là ở với bố và hiện nay cháu đang sinh sống, học tập ổn định tại xóm N, xã Đ, huyện K, Cao Bằng nên Hội đồng xét xử giao cháu Mạc Hải Y cho anh T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo cho cháu có môi trường sống và phát triển ổn định.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

Việc cấp dưỡng sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

* Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Mạc Văn T.

2. Về con chung:

Giao cho chị Hoàng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mạc Ngọc H, sinh ngày 25/3/20ab (cháu Hân bị khuyết tật đặc biệt nặng)

Giao cho anh Mạc Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mạc Hải Y, sinh ngày 07/02/20xy đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), (Hoặc đến khi có sự thay đổi bằng bản án, quyết định của Tòa án thay thế).

Chị N, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số 0000543 ngày 21/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T, chị H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Thuý Quỳnh